

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13-8-2020

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh Hải;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 56/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1991; HKTT: Thị trấn C, huyện T, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Ông Dương Ngọc G, sinh năm 1987; HKTT: Ấp M, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà H có mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông G vắng mặt đến lần thứ hai nhưng không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn ngày 19/3/2020, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà H trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà H và ông G chung sống với nhau từ năm 2018, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 16/7/2018. Sau khi kết hôn, thời gian đầu

vợ chồng sống hạnh phúc. Đến giữa năm 2019, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, không hợp tính tình, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nếu kéo dài không có lợi cho cả hai nên bà H làm đơn xin được ly hôn với ông G.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, bà H và ông G có 01 con chung tên Dương Hồng N, sinh ngày 23/7/2019. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn bà H giao nộp: Bản chính đơn xin ly hôn ngày 19/3/2020 của nguyên đơn; 01 bản sao giấy chứng minh nhân dân và bản sao sổ hộ khẩu của nguyên đơn; 01 bản chính giấy chứng nhận kết hôn; 01 bản sao giấy khai sinh của con chung; 01 bản tự khai của nguyên đơn ngày 19/3/2020; 01 đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ gửi tài liệu chứng cứ của nguyên đơn ngày 19/3/2020.

Ngoài ra, bà H không cung cấp chứng cứ hay ý kiến gì khác.

*** *Quá trình tiến hành tố tụng bị đơn ông G:***

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng như tổng đạt, niêm yết công khai để ông G biết và thực hiện tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng ông G cố tình vắng mặt không tham quá trình giải quyết vụ án mà không có lý do nên không thu thập được ý kiến của ông G.

*** *Xác minh và làm việc của Tòa án:***

- Ngày 05/6/2020, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương (Trưởng Ban lãnh đạo ấp), xác định: Bà H và ông G có quan hệ là vợ chồng và đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp X, xã M; bà H và ông G đều là công nhân tại thị trấn C, huyện T và thuê nhà trọ để đi làm nên rất ít khi về nhà nên địa phương không nắm rõ mâu thuẫn giữa bà H và ông G; theo thông tin từ gia đình thì bà H và ông G có 01 con chung và hiện do bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

- Ngày 05/6/2020, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh đối với ông Dương Trường H (cha ruột của ông G), xác định: Bà H và ông G có quan hệ là vợ chồng và đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp X, xã M; bà H và ông G đều là công nhân tại thị trấn C, huyện T và thuê nhà trọ để đi làm nên rất ít khi về nhà; lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 01 con chung sinh năm 2019; đến tháng 9/2019 thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay, con chung do bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, đã có mặt nguyên đơn bà H, bị đơn ông G được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn ông G là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và giao con chung cho nguyên đơn được trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà H có mặt, bị đơn ông G đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn ông G thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn ông G vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà H khởi kiện tranh chấp ly hôn và nuôi con chung đối với bị đơn ông G, ông G có hộ khẩu thường trú tại ấp X, xã M, huyện D nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn xin ly hôn ngày 19/3/2020, bà H khởi kiện ly hôn đối với ông G với các yêu cầu: Ly hôn; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Dương Hồng N, sinh ngày 23/7/2019, không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung; không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung. Quá trình tố tụng, bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông G không hợp tác, không tham gia tố tụng giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà H và ông G chung sống với nhau từ năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện D vào ngày 16/7/2018. Hôn nhân giữa bà H và ông G đã thực hiện đúng thủ tục quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, bà H và ông G thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính tình nên bất đồng ý kiến, không hiểu ý lẫn nhau, hiện vợ chồng không còn tình cảm, đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, ông G cố tình vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án. Thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nếu kéo dài không có lợi cho cả hai nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông G theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, bà H với ông G có con chung tên Dương Hồng N, sinh ngày 23/7/2019. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Thấy rằng, cháu Dương Hồng N, sinh ngày 23/7/2019 còn rất nhỏ nên để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con chung được nuôi dưỡng, chăm sóc phát triển đầy đủ về mọi mặt cũng như theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình (*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi*) nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành.

[4.3] *Về cấp dưỡng*: Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bà H tự nguyện nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông G phải cấp dưỡng nuôi con, đây là ý kiến tự nguyện của bà H và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.4] *Về tài sản chung*: Bà H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.5] *Về nợ chung*: Bà H xác định không tranh chấp, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa cũng như nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Ngọc H đối với ông Dương Ngọc G, xử lý cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với ông Dương Ngọc G. Giấy chứng nhận kết hôn số: 61 do UBND xã M, huyện D cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc H với ông Dương Ngọc G hết hiệu lực khi Bản án này có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Dương Hồng N, sinh ngày 23/7/2019 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.
- Ghi nhận ý kiến tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ngọc H về việc không yêu cầu ông Dương Ngọc G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc H không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0032590 ngày 20/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

3.1. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 13/8/2020).

3.2. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng